

# GIẢI PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ Ở HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM HIỆN NAY

BÙI THỊ MỸ HẢO\*

Ngày nhận bài: 15/11/2016; ngày sửa chữa: 18/11/2016; ngày duyệt đăng: 19/11/2016.

**Abstract:** The article proposes solutions for managing professional training in Vietnam Institute of Aviation. These solutions point out purposes, significance, contents and conditions of training aeronautical professional skills. Also, the solutions require managers to study nature and relationship of professional training with aim to improve quality of management of professional training in particular and quality of the aviation in general.

**Keywords:** Professional training, Vietnam Institute of Aviation, manager.

**G**ải pháp quản lý hoạt động đào tạo nghiệp vụ (ĐTNAV) là công cụ, phương tiện của chủ thể quản lý, được chủ thể quản lý sử dụng để tác động đến đối tượng quản lý theo mục đích quản lý đã xác định. Mỗi giải pháp quản lý được xác định cụ thể, rõ ràng như: mục đích, vị trí, vai trò, nội dung, điều kiện thực hiện giải pháp là những chỉ dẫn rất cụ thể của nhà quản lý. Việc sử dụng nó cũng được ví như một nghệ thuật - nghệ thuật của sự kết hợp hài hòa giữa nguyên tắc với sự linh hoạt, sáng tạo, mềm dẻo trong quản lý, giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý, tạo nên sự thúc đẩy lẫn nhau trong suốt quá trình diễn ra hoạt động ĐTNAV ở Học viện Hàng không (HVHK) Việt Nam. Bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm quản lý hoạt động ĐTNAV tại HVHK Việt Nam hiện nay.

## 1. Tổ chức nâng cao nhận thức cho các chủ thể trong quản lý hoạt động ĐTNAV ở HVHK Việt Nam

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các chủ thể quản lý hoạt động ĐTNAV ở HVHK Việt Nam là giải pháp cơ bản rất quan trọng. Nhận thức là cơ sở của hành động, chỉ đạo hành động; để có hành động đúng phải có nhận thức đúng. Trong tình hình hiện nay, trước yêu cầu đổi mới *căn bản, toàn diện GD-ĐT*, việc nâng cao nhận thức và phát huy vai trò trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng sư phạm trong Học viện đối với quản lý hoạt động ĐTNAV cho các ngành nghề đào tạo có ý nghĩa thiết thực, cấp thiết.

Nội dung tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các chủ thể quản lý cần tập trung vào: vị trí, tầm quan trọng của ĐTNAV, chất lượng đào tạo các chuyên ngành Hàng không; nhận thức về nhu cầu nâng cao phẩm chất và năng lực sư phạm của đội ngũ giảng

viên (GV); hoàn thiện và phát triển nhân cách nhà sư phạm. Ngoài ra, cần nâng cao nhận thức về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, khoa chuyên ngành ĐTNAV, làm cho mọi tổ chức, lực lượng nhận thức đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong quá trình ĐTNAV, thấy rõ những yếu tố tác động đến hoạt động đào tạo; từ đó, phát huy những yếu tố thuận lợi, chủ động khắc phục khó khăn trong đào tạo và quản lý hoạt động ĐTNAV của HVHK Việt Nam.

## 2. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy về ĐTNAV và quản lý hoạt động ĐTNAV ở HVHK Việt Nam

Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy phạm về ĐTNAV và quản lý hoạt động ĐTNAV là giải pháp rất quan trọng trong hệ thống các giải pháp đề xuất. Là cơ sở pháp lý để Học viện xác định các mục tiêu, nội dung chương trình, kế hoạch hóa hoạt động đào tạo, tổ chức tuyển sinh, phân bố ngành nghề đào tạo và bảo đảm các điều kiện khác cho quản lý hoạt động đào tạo.

Nội dung của giải pháp chỉ rõ vai trò của Nhà nước, các cơ quan chức năng liên quan trong việc hoạch định văn bản, kế hoạch chiến lược về ĐTNAV và quản lý hoạt động ĐTNAV. Do đó, cần dựa vào văn bản của Nhà nước; đồng thời, phải thường xuyên bổ sung nhằm hoàn thiện các văn bản, những quy định cho phù hợp với thực tiễn đào tạo và quản lý hoạt động đào tạo phù hợp với mục tiêu của Học viện và nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo.

## 3. Chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý và GV dạy nghiệp vụ ở HVHK Việt Nam

Chuẩn hóa quản lý đội ngũ GV nói chung cũng

\* Học viện Hàng không Việt Nam

như đội ngũ cán bộ quản lý và GV ở HVHK Việt Nam nói riêng có vị trí vai trò quan trọng, là điều kiện cơ bản quyết định hiệu quả ĐTNV. Chất lượng ĐTNV phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ GV và cán bộ quản lý giáo dục. Vì vậy, việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và GV phải phù hợp với sự phát triển của Học viện; phải đảm bảo mục tiêu, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và GV; có cơ cấu đội ngũ hợp lý và chất lượng cao, cụ thể: - Đảm bảo cân đối số lượng các bộ môn, khoa tiến tới 100% GV và cán bộ quản lý đạt chuẩn và vượt chuẩn về trình độ, tăng số lượng GV chính vào năm 2016; - Giảm tối đa việc thừa và thiếu GV, hạn chế tình trạng dạy vượt chuẩn quá nhiều hoặc phải mời nhiều GV thỉnh giảng, gây ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo; - Dựa trên cơ sở thực trạng về cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý và GV, trình độ cơ cấu đội ngũ... để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực sao cho phù hợp, cân đối, tránh tình trạng thiếu hụt cục bộ ở các Khoa cũng như ở các bộ môn.

Cần tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Làm tốt công tác quy hoạch và đào tạo nguồn cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ GV; từ đó, xây dựng quy định nội bộ về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV theo phân cấp, đảm bảo sự công bằng trong lĩnh vực này, để mọi thành viên trong Học viện đều có nghĩa vụ và quyền lợi trong việc đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu về ngạch, bậc viên chức chuyên môn nghiệp vụ.

#### **4. Bảo đảm tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện hiện đại trong ĐTNV ở HVHK Việt Nam**

Luôn phải bảo đảm các điều kiện, cơ sở vật chất và phương tiện kĩ thuật hiện đại cho hoạt động ĐTNV của Học viện theo hướng “dài hơi” và khả thi. Đổi mới khâu tổ chức phân công nhân lực, phân bổ kinh phí hợp lý, mua sắm trang thiết bị, phương tiện kĩ thuật hiện đại, bảo đảm cho hoạt động ĐTNV và thực hành nghiệp vụ cho học viên kịp thời. Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo quản lý cơ sở vật chất và thiết bị, phương tiện kĩ thuật hiện đại trong quá trình giao việc, giám sát, động viên khích lệ cán bộ quản lý, GV để họ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đổi mới khâu kiểm tra, đánh giá công tác xây dựng và quản lý cơ sở vật chất và thiết bị, phương tiện kĩ thuật hiện đại bằng việc xây dựng “bộ” tiêu chí cụ thể.

#### **5. Chỉ đạo việc gắn kết giữa HVHK Việt Nam với các đơn vị Cảng Hàng không quốc tế và quốc nội, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ĐTNV**

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là

điều kiện tiên quyết để duy trì và phát triển sức cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện; thúc đẩy phát triển toàn diện nền kinh tế, cũng là điều kiện để người lao động tự tin, khẳng định được và củng cố được vị thế cá nhân trong xã hội. Vì vậy, sự hợp tác giữa HVHK Việt Nam và các đơn vị Cảng hàng không quốc tế và quốc nội là rất cần thiết và quan trọng.

Việc phối kết hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp sẽ mang lại lợi ích rất lớn cho hai bên. Nhà trường sẽ giúp cho học viên làm quen với môi trường làm việc thực tế, tiếp cận được thiết bị công nghệ hiện đại; các năng lực đặc biệt của học viên được phát triển trong quá trình thực tập tại các doanh nghiệp; xây dựng được tác phong công nghiệp, chất lượng đào tạo được nâng lên. Ngược lại, doanh nghiệp sẽ tuyển dụng được đội ngũ lao động có chất lượng, không phải mất thời gian và kinh phí cho việc đào tạo lại...

#### **6. Thường xuyên tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra và đánh giá quản lý hoạt động ĐTNV ở HVHK Việt Nam**

Thanh tra, kiểm tra là một chức năng không thể thiếu của hoạt động quản lý đào tạo, nó thu thập các minh chứng và phán xét về bản chất và mức độ đạt được so với các chuẩn đã đề ra và thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội. Đồng thời, giúp chủ thể quản lý thấy rõ thực trạng hoạt động đào tạo; từ đó, tìm các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này. Tiến hành thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo sẽ kịp thời phát hiện những sai phạm trong quá trình tổ chức và thực hiện công tác đào tạo, ra quyết định quản lý đúng đắn, hiệu quả; phần xây dựng nền nếp, kỉ cương, nâng cao ý thức tự giác, ngăn ngừa tiêu cực trong “thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục”; khơi dậy động cơ hứng thú học tập cho sinh viên; góp phần đổi mới hoạt động kiểm tra, đánh giá của nhà trường đi vào nền nếp và có hiệu quả thiết thực.

\*\*\*

Các giải pháp trên là một chỉnh thể thống nhất, giữa các giải pháp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ, không chồng chéo và mâu thuẫn với nhau; giải pháp này là tiền đề, cơ sở cho biện pháp kia. Trong mỗi giải pháp đều chỉ rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung và điều kiện thực hiện để tương ứng với cách thức triển khai nhằm đem lại hiệu quả thiết thực trong quản lý hoạt động ĐTNV của Học viện. Khi triển khai thực hiện các giải pháp, đòi hỏi các nhà quản lý cần phải nghiên cứu bản chất và mối quan hệ tổng thể. Các

*(Xem tiếp trang 106)*

Trong nhà trường, Phương pháp NCKH là một môn học có vị trí quan trọng; trang bị cho SV có những tri thức, hiểu biết về khoa học, NCKH, giúp SV nắm được cách thức xây dựng đề cương và các phương pháp NCKH. Trên cơ sở giúp người học tiếp thu hệ thống tri thức của môn phương pháp NCKH, tạo cho SV kĩ năng cơ bản để xây dựng đề cương NCKH, tiến hành nghiên cứu cũng như có khả năng triển khai các nghiên cứu trong thực tiễn cuộc sống.

Tuy nhiên, trong thực tế giảng dạy và học tập môn học này trong các trường ĐH còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Với thời lượng dành cho môn học này của các nhà trường nói chung còn quá ít, trong khi nội dung môn học này lại rất nhiều nên dẫn đến tình trạng SV không có thời gian luyện tập để có thể hình thành kĩ năng NCKH.

#### 4. Kết luận

Hoạt động học tập của SV cũng giống với nhà khoa học ở sự nghiên cứu, tìm tòi, khám phá. Đặc biệt, NCKH giúp SV sớm tiếp cận với thực tiễn xã hội, hiểu biết về ngành nghề đào tạo của mình, hình thành và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi ghế nhà trường. Điều đó đặt ra cho các trường ĐH có vai trò và nhiệm vụ đào tạo ra những người cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có khả năng hoạt động sáng tạo, có phương pháp NCKH độc lập để tiếp tục đi sâu vào chuyên môn của mình, nâng cao tầm hiểu biết tiến kịp với sự tiến bộ của thời đại. Môi trường xã hội nói chung, tập thể, nhóm xã hội nói riêng vừa là phương tiện, vừa là điều kiện cho sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân SV. Mặt khác, học tập theo hình thức NCKH có ảnh hưởng rất to lớn đến sự phát triển nhân cách cá nhân, để SV tìm hiểu kiến thức nhanh hơn, ghi nhớ tốt hơn.

Chất lượng đào tạo luôn đi đôi và gắn liền với hoạt động NCKH của GV và SV. Qua việc hướng dẫn SV NCKH, GV tự hoàn thiện kiến thức nâng cao trình độ về phương pháp nghiên cứu cũng như kiến thức chuyên môn góp phần nâng cao năng lực của SV đáp ứng tốt nhu cầu của người học và của xã hội hiện nay. Kết hợp giảng dạy với hướng dẫn NCKH cho SV, GV hiểu gần bó SV, đó là quá trình trao đổi và truyền đạt kiến thức mới từ GV đến SV chắc chắn sẽ đạt được hiệu quả và chất lượng cao hơn.

Với ý nghĩa như vậy, việc nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của SV các trường ĐH là vô cùng cần thiết trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong chủ

trương đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ CNH, HĐH đất nước thời kì hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ. *Điều lệ trường đại học* (ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 12/10/2014).
- [2] Quốc hội. *Luật giáo dục đại học 2012*.
- [3] Vũ Cao Đàm (2011). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Bộ GD-ĐT. *Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng* (ban hành kèm theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [5] Bộ GD-ĐT. *Quyết định số 08/2000/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng*.
- [6] Bộ GD-ĐT. *Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ GD-ĐT về việc ban hành Quy định về hoạt động khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học*.

## Giải pháp quản lí hoạt động...

(Tiếp theo trang 115)

giải pháp này sẽ góp phần khắc phục những hạn chế trong công tác quản lí hoạt động ĐTNV của HVHK Việt Nam hiện nay. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2016): *Các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng dạy nghề, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động*. Hội thảo khoa học. Hà Nội.
- [2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2004). *Xây dựng mô hình liên kết dạy nghề giữa nhà trường và doanh nghiệp*. Hội thảo khoa học. Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997). *Văn kiện Hội nghị lần 2 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.